

KẾ HOẠCH

Khắc phục những tồn tại, hạn chế năm 2022, để nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Yên Bái năm 2023

Thực hiện Thông báo kết luận số 69/KL-UBND ngày 16/6/2023 của đồng chí Trần Huy Tuấn - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Chỉ đạo Cải cách hành chính nhà nước tỉnh tại Hội nghị tổng kết và công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và cấp sở, ngành, địa phương năm 2022; triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế năm 2022, đề ra các giải pháp để nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) tỉnh Yên Bái năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao công tác cải cách hành chính (CCHC), nâng cao Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI của tỉnh, của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

b) Phấn đấu Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS của tỉnh tiếp tục duy trì nằm trong Top 20 của cả nước; Chỉ số PAPI tiếp tục nằm trong nhóm "Trung bình cao".

c) Nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết liệt trong chỉ đạo điều hành về công tác CCHC nói chung, nâng cao các Chỉ số CCHC của tỉnh, của đơn vị, địa phương nói riêng.

2. Yêu cầu

a) Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, của đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện công tác CCHC; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC.

b) Căn cứ kết quả công bố Chỉ số CCHC năm 2022, rà soát các tiêu chí, tiêu chí thành phần cấp tỉnh, cấp sở, ngành, địa phương, xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế yếu kém trong năm 2022, đề ra các giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC năm 2023.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ và của tỉnh; triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ còn lại trong 6 tháng cuối năm 2023, bảo đảm hoàn thành có chất lượng 100% nhiệm vụ đã đề ra theo Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ngoài các nội dung thông tin, tuyên truyền trọng tâm tại Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cần đẩy mạnh tuyên truyền những kết quả nổi trội đã đạt được trong công tác CCHC của tỉnh, các mục tiêu và giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác CCHC, chỉ số CCHC năm 2023 của tỉnh; nội dung thông tin, tuyên truyền phải bảo đảm chính xác, kịp thời, phù hợp với nhiều đối tượng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức các đoàn kiểm tra đột xuất, không báo trước. Nội dung kiểm tra tại Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai công tác CCHC nhà nước năm 2023.

- Tổ chức rà soát sửa đổi, bổ sung Bộ Tiêu chí đánh giá chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, địa phương năm 2023, trên cơ sở đánh giá kết quả theo định lượng. Ứng dụng công nghệ thông tin trong chấm điểm, khẩn trương tham mưu xây dựng phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC sở, ngành, địa phương.

2. Lĩnh vực cải cách thể chế

- Tiếp tục tham mưu việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của tỉnh đảm bảo phù hợp, dễ hiểu, dễ thực hiện và có tính khả thi cao; triển khai việc thi hành, đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống.

- Kiểm tra, rà soát việc thực hiện hệ thống hóa VBQPPL; kịp thời công bố danh mục VBQPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần. Khắc phục ngay những những VBQPPL trái với quy định của pháp luật, đã được phát hiện sau kiểm tra của cấp có thẩm quyền.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, loại hình phong phú dễ hiểu, dễ tiếp cận đối với người dân. Tiếp tục thực hiện chuyên mục “Nhà nước và pháp luật” và Chuyên trang phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh.

3. Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) gắn với chuyển đổi số; đẩy nhanh việc cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC; thực hiện có cao hiệu quả

triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định của Chính phủ, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết TTHC; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa. Tăng cường hướng dẫn các nhóm đối tượng có trình độ công nghệ thông tin còn hạn chế, khó khăn thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến, dần làm thay đổi thói quen sử dụng hồ sơ giấy sang sử dụng hồ sơ điện tử.

- Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 50% thủ tục hành chính nội bộ cơ quan hành chính nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh.

- 100% phản ánh, kiến nghị của người dân và tổ chức được tiếp nhận, xem xét và xử lý đúng quy định.

4. Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy và cải cách chế độ công vụ

- Tiếp tục rà soát sắp xếp, tổ chức lại, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đối với cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định. Xây dựng cơ cấu giao chỉ tiêu biên chế, cơ cấu tuyển dụng đối với các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo cơ cấu, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; giải quyết các chế độ chính sách đầy đủ, đúng đối tượng; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nghiêm việc đánh giá, phân xếp loại cán bộ, công chức, viên chức; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm, trì trệ, nhũng nhiễu, cản trở, làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC.

5. Lĩnh vực cải cách tài chính công

- Thực hiện đúng các quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế nhà nước, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

- Thực hiện quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý tài sản công năm 2017 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.

6. Lĩnh vực xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tập trung triển khai có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, các mô hình, nền tảng số nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn

tỉnh theo Chương trình hành động số 15/CTr-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó

- Tiếp tục triển khai 100% TTHC có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; triển khai hiệu quả Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

(Có biểu nhiệm vụ giải pháp khắc phục chi tiết kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh trong công tác CCHC và tự đánh giá, xác định Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI cấp tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ được phân công phụ trách các lĩnh vực CCHC, các sở, ngành tổ chức rà soát các tiêu chí/tiêu chí thành phần không đạt điểm tối đa, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp để khắc phục, phấn đấu các tiêu chí/tiêu chí thành phần năm 2022 cao hơn năm 2023.

a) Sở Nội vụ, cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo CCHC nhà nước tỉnh

- Thường xuyên theo dõi, bám sát Chương trình tổng thể của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, kịp thời tham mưu công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính nhà nước tỉnh.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo CCHC nhà nước tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra đột xuất (không báo trước) đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương, nội dung kiểm tra tại Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai công tác CCHC nhà nước năm 2023.

- Tổ chức rà soát sửa đổi, bổ sung Bộ Tiêu chí đánh giá chỉ số CCHC của các sở, ngành, địa phương năm 2023, trên cơ sở đánh giá kết quả theo định lượng. Phối hợp với Bộ Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Bưu điện tỉnh tổ chức các cuộc điều tra xã hội học, bảo đảm số phiếu phát ra, thu về đạt tỷ lệ 100%, phúc tra đúng quy trình theo quy định.

b) Các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách lĩnh vực CCHC, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục duy trì, thực hiện có hiệu quả Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS đã được công bố năm 2022; thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai nhiệm vụ CCHC, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện CCHC theo lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; tham mưu đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số PAR INDEX của tỉnh năm 2023.

2. Đối với các sở, ngành, địa phương

Rà soát nhiệm vụ CCHC đã được đề ra trong năm, đồng thời bám sát các nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần của chỉ số CCHC năm 2022 đã được công bố, xây dựng kế hoạch khắc phục, trong đó phải đề ra các giải pháp mang tính đột phá, sáng tạo, hiệu quả để cải thiện điểm số của các chỉ số thành phần. Đặc biệt là đối với các cơ quan, địa phương xếp ở thứ hạng thấp nghiêm túc xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan để tiếp tục chỉ đạo duy trì, phát huy những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục triệt để những hạn chế, yếu kém, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC theo đúng kế hoạch đề ra, phấn đấu Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương năm sau tốt hơn năm trước. Thời gian gửi kế hoạch khắc phục theo quy định tại Thông báo kết luận số 69/TB-VP ngày 16/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bru điện tỉnh: Nghiên cứu, đổi mới cách thức điều tra xã hội học, bảo đảm đúng đối tượng, số phiếu phát ra/thu đạt tỷ lệ 100%; tổ chức tập huấn nghiệp vụ đối với nhân viên được giao nhiệm vụ điều tra.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Cựu Chiến binh tỉnh: Tăng cường công tác phối hợp theo Chương trình phối hợp số 27/CTPH-UBND-UBMTTQVN-HCCB ngày 29/12/2021, đổi mới việc giám sát, phúc tra các cuộc điều tra xã hội học.

5. Báo Yên Bái, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh: Bám sát các nội dung thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2023 tại Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch này, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, bảo đảm thông tin mang tính thời sự, chính xác, dễ hiểu, phù hợp với phạm vi, đối tượng tuyên truyền.

Trên đây là Kế hoạch khắc phục những tồn tại hạn chế, đề ra các giải pháp nâng cao Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./. *hvs*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo Yên Bái; Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Bru điện tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Ngô Hạnh Phúc



PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC
NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ ĐỂ NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 153 /KH-UBND ngày 03/ 7 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	KẾT QUẢ KHẮC PHỤC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
I	CHỈ SỐ PAR INDEX				
1	Công tác Chỉ đạo điều hành theo kế hoạch CCHC năm 2022. (năm 2022 đạt 8,963/9,5 điểm, còn lại 0,537 điểm chưa đạt được)	Hoàn thành 100% nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	6 tháng cuối năm 2023
2	Tham mưu Kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ CCHC đối với công chức cấp xã.	Mở 05 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ CCHC cho 346 công chức thuộc 173 UBND cấp xã. Nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ công chức chuyên trách, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ CCHC giai đoạn mới.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND cấp huyện, cấp xã	Quý III/2023
3	Thành lập các đoàn kiểm tra đột xuất (không báo trước) đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Kịp thời chấn chỉnh việc thi hành kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành có liên quan	Tháng 7, 8/2023
4	Kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác CCHC đối với các sở, ngành, địa phương.	Kiểm tra 09/28 sở, ngành, địa phương đạt tỷ lệ trên 30% theo quy định.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh 6 lĩnh vực CCHC	Quý IV/2023
5	Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác thông tin, tuyên truyền theo Kế hoạch số 285/UBND-NC ngày 30/12/2022 của	Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về CCHC	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh 6 lĩnh vực CCHC	6 tháng cuối năm 2023

	UBND tỉnh về thông tin, tuyên truyền năm 2023.				
5	Phối hợp với Bộ Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Bưu điện tỉnh tổ chức các cuộc điều tra xã hội học.	Lập danh sách các đối tượng theo quy định để điều tra, khảo sát báo cáo Bộ Nội vụ; Đôn đốc các đối tượng được điều tra là cán bộ, công chức trả lời phiếu theo thời gian quy định, bảo đảm số phiếu phát ra, thu về đạt tỷ lệ 100%, kiểm tra, phúc tra đúng quy trình theo quy định (bảo đảm mức độ hài lòng đối với cơ quan hành chính nhà nước các cấp đạt tỷ lệ 85% trở lên).	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	Tháng 12/2023 đến quý I/2024
6	Rà soát sửa đổi, bổ sung Bộ Tiêu chí đánh giá chỉ số CCHC của các sở, ngành, địa phương năm 2023.	Các lĩnh vực và tiêu chí/tiêu chí thành phần, trên cơ sở đánh giá kết quả theo định lượng.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh 6 lĩnh vực CCHC	Quý III/2023
7	Tham mưu công tác Cải cách tổ chức bộ máy (năm 2022 đạt 9,43/10,5 điểm, còn lại 1,07 điểm chưa đạt được)	- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; quản lý biên chế theo quy định. - Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan cấp tỉnh và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm. - Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã, đồng thời kiên quyết xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra; các cơ quan, đơn vị được thanh tra, phải có báo cáo khắc phục các tồn tại hạn chế nêu tại các thông báo kết luận thanh tra.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra.	6 tháng cuối năm 2023
8	Tham mưu Cải cách chế độ công vụ (năm 2022 đạt 12,067/15 điểm, còn lại 2,933 điểm chưa đạt được)	Cập nhật, hoàn thiện đúng quy định về cơ cấu công chức theo vị trí việc làm; bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt; tăng cường quản trị,	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023

		kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với CBCCVC.			
9	Tiếp tục rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đảm bảo phù hợp, dễ hiểu, dễ thực hiện và có tính khả thi cao; nghiêm túc triển khai thi hành, đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống (<i>năm 2022 đạt 8,695/10 điểm, còn lại 1,305 điểm chưa đạt được</i>)	Đổi mới và nâng cao chất lượng VBQPPL bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật; kiểm tra, rà soát những văn bản còn chồng chéo, tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ; tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật. Kịp thời khắc phục kết luận kiểm tra của cấp có thẩm quyền đối với VBQPPL của tỉnh trái pháp luật.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
10	Tiếp tục tham mưu công tác cải cách thủ tục hành chính (<i>năm 2022 đạt 12,937/13 điểm, còn lại 0,027 điểm chưa đạt được</i>)	Tăng cường công tác đôn đốc, hướng dẫn kiểm tra, kiểm soát việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 29/12/2022 về triển khai công tác KSTTHC năm 2023; Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2023.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
11	Công khai 100% thủ tục hành chính theo quy định, nhất là các công khai TTHC mới công bố.	Văn bản chỉ đạo điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 7/2023
12	Tiếp tục đẩy mạnh việc cung cấp thông tin trên Công thông tin điện tử tỉnh và các Trang thành viên.	Bảo đảm thông tin đưa lên mang tính kịp thời, đầy đủ và thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023 và các năm tiếp theo
13	Cải cách Tài chính công (<i>năm 2022 đạt 10,615/12 điểm, còn lại 1,385 điểm chưa đạt được</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm. Tăng cường công tác kiểm tra về thực hiện các quy định sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước. - Thực hiện giải quyết dứt điểm các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách. - Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn 	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023

		vi sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ.			
14	Các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội: Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao (năm 2022 đạt 1,7344/2 điểm, còn lại 0,2656 điểm chưa đạt được)	Tham mưu tăng cường công tác đôn đốc kiểm tra, giám sát đối với các sở, ngành, địa phương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
15	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (năm 2022 đạt 11,126/13,50 điểm, còn lại 2,374 điểm chưa đạt được)	Tiếp tục tham mưu nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số theo quy định của Trung ương, quy định tại Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX; Chương trình hành động số 15/CTr-UBND ngày 26/10/2021 và Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
16	Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn tập thể, cá nhân có giải pháp, sáng kiến về công tác cải cải hành chính năm 2023 để phục vụ chấm điểm Chỉ số CCHC. (năm 2022 đạt 1/2 điểm, còn lại 1 điểm chưa đạt được)	Có ít nhất 03 sáng kiến CCHC trở lên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
II	CHỈ SỐ SIPAS				
1	Chỉ số hài lòng về Tiếp cận dịch vụ (đạt tỷ lệ 88,29%, giảm 1,08% so với năm 2021)	Trụ sở cơ quan nhà nước thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải: thuận tiện, dễ thấy; sạch sẽ gọn gàng, trang thiết bị đầy đủ, dễ sử dụng.	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
2	Chỉ số hài lòng về thủ tục hành chính (đạt tỷ lệ 85,66%, giảm 4,3% so với năm 2021)	Các quy định TTHC phải: dễ thấy, niêm yết công khai đầy đủ, dễ hiểu theo quy định; thu đúng thành phần hồ sơ, đủ lệ phí; giải quyết hồ sơ TTHC đúng thời hạn quy định.	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023

3	Chỉ số hài lòng về Công chức giải quyết Thủ tục hành chính (đạt tỷ lệ 85,50%, giảm 3,56% so với năm 2021)	Công chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ phải: có thái độ giao tiếp lịch sự, tận tình; biết lắng nghe và biết giải thích đầy đủ; hướng dẫn kê khai hồ sơ dễ hiểu, bảo đảm 1 lần là hoàn thiện hồ sơ; giải quyết đúng thẩm quyền.	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
4	Chỉ số hài lòng về Kết quả dịch vụ công (đạt tỷ lệ 85,23%, giảm 5,52% so với năm 2021)	Kết quả phải phù hợp với: quy định hiện hành, thông tin phải đầy đủ, chính xác, công bằng.	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
5	Chỉ số hài lòng về Tiếp nhận, xử lý ý kiến phản ánh kiến nghị (đạt tỷ lệ 85,23%, giảm 1,83% so với năm 2021)	Công khai hình thức tiếp nhận PAKN, dễ thực hiện; kịp thời thông báo kết quả xử lý, trả lời PAKN	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
6	Việc cung ứng dịch vụ công nói chung (năm 2021 không điều tra; năm 2022 đạt tỷ lệ 86,64)	Đẩy mạnh quy trình giải quyết TTHC nội bộ và giải quyết TTHC toàn trình, cắt giảm tối đa thời gian và chi phí giải quyết TTHC của người dân, tổ chức, như: cấp các loại giấy phép, giấy xác nhận, chứng thực, cấp giấy đăng ký kinh doanh và chứng chỉ hành nghề, thu các khoản đóng góp vào ngân sách và các quỹ của Nhà nước, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và xử lý các vi phạm hành chính...	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
III	CHỈ SỐ PAPI				
1	Chỉ số Tham gia của người dân ở cấp cơ sở: đạt 4,9544 điểm tăng 0,0764 điểm so với năm 2021 (tuy nhiên năm 2022 ở nhóm “Trung bình thấp”, năm 2021, đạt 4,878 ở nhóm “Trung bình cao”)	Các cấp chính quyền tạo điều kiện để người dân thực hiện tốt các quyền về: bầu cử; cơ hội tham gia bầu cử; được đóng góp tự nguyện, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò và trách nhiệm của Ban Thanh tra nhân dân.	UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
2	Chỉ số Công khai, minh bạch: đạt 5,3534 điểm tăng 0,1954 điểm so với năm 2021 (tiếp tục ở nhóm “Trung bình cao”)	Đẩy mạnh việc công khai hóa, minh bạch hóa thông tin về các chế độ, chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, nhằm đáp ứng “quyền được biết” của người dân.	Các sở, ngành, địa phương	Các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh, truyền hình	6 tháng cuối năm 2023
3	Chỉ số Trách nhiệm giải trình của	Kịp thời giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo,	Thanh tra tỉnh;	Các sở, ban,	6 tháng cuối

	người dân: đạt 4,3560 điểm giảm 0,1950 điểm so với năm 2021 (năm 2021 ở nhóm “Cao”, năm 2022 ở nhóm “Trung bình cao”)	kiến nghị và tiếp xúc công dân.	Văn phòng UBND tỉnh	ngành, địa phương	năm 2023
4	Chỉ số Kiểm soát tham nhũng khu vực công: đạt 6,6522 điểm, giảm 0,2728 điểm so với năm 2021 (tiếp tục ở nhóm “Trung bình cao”)	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các sở, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng.	Thanh tra tỉnh; Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
5	Chỉ số Thủ tục hành chính công: (đạt 7,2091 điểm, tăng 0,0941 điểm so với năm 2021 (tiếp tục ở nhóm “Trung bình thấp”)	Đẩy mạnh cải cách TTHC, nhất là TTHC cần thiết nhất cho đời sống của người dân, như: chứng thực, xác nhận; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; dịch vụ hành chính công cấp xã/phường.	Sở Tư pháp; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện, cấp xã	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
6	Chỉ số Cung ứng dịch vụ công: đạt 7,0695 điểm, giảm 0,3745 điểm so với năm 2021 (tiếp tục ở nhóm “Thấp”)	Nâng cao chất lượng và mức độ sẵn có của các dịch vụ công căn bản ở cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, trong đó mức độ thuận tiện đối với các dịch vụ: y tế; giáo dục tiểu học công lập; cơ sở hạ tầng căn bản; an ninh, trật tự khu dân cư.	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
7	Chỉ số Quản trị môi trường: đạt 3,4248 điểm, giảm 0,2362 điểm so với năm 2021 (tiếp tục ở nhóm “Trung bình cao”)	Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát bảo vệ môi trường (chất lượng không khí, nguồn nước sinh hoạt), bảo vệ sức khỏe của người dân.	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023
8	Chỉ số Quản trị điện tử: đạt 2,8122 điểm, tăng 0,1902 điểm so với năm 2021 (năm 2021 ở nhóm “Thấp”, năm 2022 ở nhóm “Trung bình thấp”)	Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải tiến, đổi mới việc cung cấp thông tin nhằm tạo thuận lợi người dân tương tác giữa Công, trang thông tin điện tử của tỉnh, của các sở, ngành, địa phương về mức độ tiếp cận thông tin của người dân về: quy trình, thủ tục, chính sách người dân cần tuân thủ; điều kiện sử dụng Internet của người dân, môi trường thiết yếu để người dân tham gia quản trị điện tử, khi muốn tiếp cận dịch vụ công điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương	6 tháng cuối năm 2023